

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2026

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986

Địa chỉ: A ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Chị Lâm Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: A ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/02/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày: Anh và chị Lâm Thị T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 23 tháng 02 năm 2010. Quá trình sống chung hạnh phúc

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lâm Thị T.

Về con chung: Anh và chị Lâm Thị T có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 11/02/2007 và cháu Nguyễn Hoàng Quốc A, sinh ngày 10/11/2017. Hiện tại các cháu đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Quốc A, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Đối với cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Lâm Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 26/5/2026: Chị và anh Nguyễn Thanh N kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào năm 2010. Do thường xuyên mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị thống nhất với phần trình bày của anh N. Chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung, chị chưa cấp dưỡng. Chị yêu cầu được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Lâm Thị T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng Quốc A, sinh ngày 10/11/2017 cho anh Nguyễn Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử

không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị T. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lâm Thị T cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N và bị đơn chị Lâm Thị T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh N, Hội đồng xét xử thấy rằng anh N và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 23 tháng 02 năm 2010 theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo anh N trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tình cảm yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cũng xác nhận vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn và thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N. Như vậy, cả hai bên đều xác định tình trạng hôn nhân đã thực sự rạn nứt, không còn khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh N và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc các đương sự đều thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân thể hiện ý chí tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N,

cho anh được ly hôn với chị Lâm Thị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Lâm Thị T không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho anh Nguyễn Thanh N và chị Lâm Thị T không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Về con chung: Anh N và chị T có hai con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 11/02/2007 và Nguyễn Hoàng Quốc A, sinh ngày 10/11/2017. Đối với cháu Nguyễn Thanh T1 đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Hoàng Quốc A hiện đang sống ổn định cùng anh N. Anh N có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quốc A; chị T cũng thống nhất giao cháu Quốc A cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời bảo đảm sự ổn định về nơi ở, điều kiện học tập và phát triển của cháu nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu Nguyễn Hoàng Quốc A cho anh Nguyễn Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về án phí: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp được đối trừ vào nghĩa vụ án phí phải chịu.

[3.5] Xét quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N.

Chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Lâm Thị T. Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho anh Nguyễn Thanh N và chị Lâm Thị T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Quốc A, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2017 cho anh Nguyễn Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lâm Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Lâm Thị T không ai được quyền cản trở. Đối với cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2007 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006358 ngày 08 tháng 04 năm 2026 của cơ quan Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ. Anh Nguyễn Thanh N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Long Tây, TP. Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đua